

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Lương Sỹ Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo

2. Ông Nguyễn Khắc Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ông Cao Anh Bắc - Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 18/9/2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2024/TLST - HS ngày 30/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST - HS, ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quốc H. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 18/3/2003, tại xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 8/10, Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Trần Văn P, sinh năm 1974. Con bà: Phạm Thị L, sinh năm 1972. Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 08/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị hại:

+ Chị Lê Thị H1, sinh năm 1999; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trú tại: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Cháu Võ Quốc M, sinh năm 2007; Nghề nghiệp: Học sinh; Trú tại: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt). Người đại diện hợp pháp cho cháu M: Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trú tại: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị L, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trú tại: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Anh Lê Đình H2, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Buôn bán. Trú tại: Thôn F, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Anh Đoàn Trọng N, sinh năm 1991; Nghề nghiệp: lao động tự do. Trú tại: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

+ Anh Võ Nguyên G, sinh năm 1980; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trú tại: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Bùi Hải D, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Vân A, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2024 đến ngày 31/7/2024, Trần Quốc H, sinh năm 2003, trú tại thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã S, xã K, huyện H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Trần Quốc H, sinh năm 2003, trú tại thôn T, xã K, huyện H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vào khoảng 13 giờ ngày 29/7/2024, H điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter, màu xanh đen, BKS 29T5 - 3765 (xe mượn của anh Đoàn Trọng N, trú cùng thôn, anh N không biết H mượn xe đi lừa đảo) đến nhà chị Lê Thị H1, sinh năm 1999, trú tại thôn E, xã S, huyện H là người quen với H từ trước. Khi đến nơi H đưa ra thông tin gian dối nói với chị H1: “Cho em mượn máy điện thoại để đi cài định danh cá nhân”, do tưởng thật nên chị H1 đưa cho H mượn chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen và cung cấp mật khẩu cho H. Sau khi lấy điện thoại H không đi cài định danh cá nhân mà đưa đến quán sửa chữa điện thoại của anh Lê Đình H2, trú tại xã S, huyện H bán lấy 4.000.000đ, (anh H2 không biết và H cũng không nói về nguồn gốc chiếc điện thoại do H lừa đảo mà có), số tiền H tiêu xài cá nhân hết. Đến chiều cùng ngày không thấy H đến trả máy điện thoại nên chị H1 đã nhiều lần nhắn tin yêu cầu H đưa máy đến trả, nhưng H nói dối với chị H1 máy điện thoại đã cầm 4.000.000đ, hiện chưa có tiền chuộc.

Theo kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện H ngày 07/8/2024 kết luận: Giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, số Imei 353974109183086, không gắn thẻ sim trị giá 4.100.000đ.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 30/7/2024, do biết được tâm lý của chị Lê Thị H1 muốn chuộc máy điện thoại về kéo bị anh Bùi Hải D là chồng chị H1 biết, nên Trần Quốc H tiếp tục nhắn tin với chị Lê Thị H1 qua hệ thống Meseeser rồi đưa ra thông tin gian dối nói với chị H1 là cho H vay số tiền 2.000.000đ để đi chuộc máy điện thoại, do tưởng thật nên chị H1 đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter, màu xanh đen, BKS 29T5 - 3765 (xe mượn của anh Đoàn Trọng N, trú cùng thôn, anh N không biết H mượn xe đi lừa đảo) đến nhà chị H1 rồi chờ chị H1

đi ra cây ATM ở ngân hàng V, địa chỉ tại xã S, huyện H rồi chị H1 vào rút số tiền 2.000.000đ đưa cho H. Sau khi lấy được tiền H không đi chuộc máy điện thoại mà sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết. Đến chiều cùng ngày chị H1 nhiều lần nhắn tin yêu cầu H chuộc máy về trả cho chị H1, nhưng H đưa ra nhiều thông tin gian dối nói với chị H1 chưa đủ tiền để chuộc điện thoại.

Lần thứ ba: Vào sáng ngày 31/7/2024, Trần Quốc H tiếp tục nhắn tin qua hệ thống Meseeser với chị Lê Thị H1 rồi đưa ra thông tin gian dối là còn thiếu 1.800.000đ mới đủ tiền chuộc máy điện thoại, do không muốn chồng mình là anh Bùi Hải D biết nên chị H1 đồng ý cho H mượn số tiền 1.800.000đ. Sau đó H điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter, màu xanh đen, BKS 29T5 - 3765 (xe mượn của anh Đoàn Trọng N, trú cùng thôn, anh N không biết H mượn xe đi lừa đảo) đến nhà gặp chị Lê Thị H1, do bận công việc nên chị H1 đưa thẻ ATM cho H đi rút tiền, khi ra cây ATM ở ngân hàng V, địa chỉ tại xã S, huyện H H lấy thẻ ra kiểm tra tài khoản còn 3.000.000đ nên H đã rút hết số tiền, rồi sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Sau đó chị H1 biết H đã rút hết số tiền trong tài khoản thì nhiều lần nhắn tin yêu cầu H chuộc máy và đưa tiền về trả, nhưng H đưa ra nhiều thông tin gian dối hứa lần này đến lần khác. Sau khi biết mình bị lừa nên chị H1 yêu cầu H cung cấp cửa hàng cầm điện thoại, đồng thời kể lại cho chồng là anh Bùi Hải D biết. sau đó anh D đến quán sửa chữa điện thoại của anh Lê Đình H2 chuộc lại điện thoại, do biết được điện thoại H lừa đảo nên anh H2 trả lại máy cho anh D mà không lấy tiền. Sau đó bị hại Lê Thị H1 đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan điều tra.

Lần thứ tư: Do cần tiền để chuộc máy điện thoại cho chị Lê Thị H1 và mua vé xe đi ra Hà Nội nên Trần Quốc H tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vào khoảng 21 giờ ngày 31/7/2024, Trần Quốc H nhắn tin qua hệ thống Meseeser rủ Võ Đức M1, sinh năm 2007, trú tại thôn M, xã K, huyện H đến nhà H chơi, M1 đồng ý rồi đi bộ đến nhà H. Khi gặp nhau H đưa ra thông tin gian dối nói với M1 mượn chiếc điện thoại Iphone 12 Promax để đăng nhập tài khoản ngân hàng, đồng thời xin mật khẩu, do tưởng thật nên M1 đồng ý. Sau khi lấy được máy điện thoại thì H đưa cho M1 50.000đ rồi bảo đi mua nước ngọt về uống, để H vào nhà lấy mã OTP trong máy điện thoại của mẹ H đăng nhập tài khoản ngân hàng. Khi M1 vừa đi thì H không đăng nhập tài khoản ngân hàng mà gọi điện cho anh Lê Đình H2 là chủ cửa hàng sửa chữa điện thoại ở xã S, huyện H hỏi cầm có chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của M1 để xin chuộc lại chiếc điện thoại Iphone 11 của chị Lê Thị H1, đồng thời yêu cầu anh H2 đưa thêm cho H ít tiền, do anh H2 đi vắng nên H chưa cầm được chiếc điện thoại. Sau đó H đi bộ sang nhà anh Đoàn Trọng N, trú cùng thôn và nhờ anh N chở xuống nhà văn hóa thôn D, xã S, huyện H để chờ bắt xe khách đi ra thành phố Hà Nội. Sau khi đến nhà văn hóa thì H đã tắt nguồn chiếc điện thoại Iphone 12 Promax để cắt liên lạc với M1. Còn Võ Đức M1 sau khi đi mua nước về không thấy H nên vào nhà tìm nhưng không thấy và biết mình đã bị lừa nên M1 đi sang nhà anh Nguyễn Văn A1 là hàng xóm với M1 mượn điện thoại và sử dụng tài khoản facebook “Văn A1” gọi cho H yêu cầu trả lại điện thoại nhưng H không trả mà đưa ra nhiều thông tin nhằm kéo dài thời gian để bỏ trốn ra Hà Nội. Sau đó M1 đã làm đơn trình báo với Cơ quan Công an, đến 04 giờ

ngày 01/8/2024, Cơ quan điều tra đã bắt giữ H khi đang lẩn trốn tại khu vực nhà văn hóa thôn D1, xã S, huyện H. Còn anh Đoàn Trọng N sau khi biết H lấy điện thoại của M1 nên đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc.

Theo kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện H ngày 07/8/2024 kết luận: Giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số Imei 256713112398183, gắn thẻ sim số seri 8401230212819553, trị giá 9.100.000đ.

*** Vật chứng thu giữ chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn:**

- 01 chiếc điện thoại Vivo 1906, màu xanh, số imei 868613048782891, gắn thẻ sim số seri 8401240650095309, đã qua sử dụng. (Thu giữ của Trần Quốc H).

*** Vật chứng thu giữ trả lại cho chủ sở hữu:**

- 01 chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen, số imei 353974109183086, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng. (Thu giữ của bị hại Lê Thị H1).

- 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh, số imei 256713112398183, gắn thẻ sim số seri 8401230212819553, đã qua sử dụng. (Đã trả lại cho bị hại Võ Đức M1).

Bản cáo trạng số: 60/CT - VKS - HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Trần Quốc về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Quốc H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc H mức án từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động với bà Phạm Thị L (mẹ đẻ) đã bồi thường cho chị Lê Thị H1 số tiền 5.000.000đ. Nay chị H1 không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại cháu Võ Đức M1 sau khi nhận được điện thoại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng sau khi điều tra làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu xanh, số imei 868613048782891, gắn thẻ sim số seri 8401240650095309, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trần Quốc H được xác định là phương tiện phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Số tiền 9.000.000 đồng là số tiền có được do hành vi lừa đảo, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, tuy nhiên bị cáo đã bồi thường cho bị hại chị Lê Thị H1 số tiền 5.000.000, còn lại 4.000.000 được xác định là số tiền do phạm tội mà có, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền này.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại chị Lê Thị H1 cháu Võ Quốc M2, người đại diện cho cháu Võ Quốc M là chị Nguyễn Thị Thu L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L, anh Lê Đình H2, anh Võ Nguyên G, người làm chứng anh Bùi Hải D, chị Nguyễn Văn A vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Xét thấy, bị hại chị Lê Thị H1, cháu Võ Quốc M2, người đại diện cho cháu Võ Quốc M là chị Nguyễn Thị Thu L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo:* Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Quốc H đã khai nhận: Để có tiền để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2024 đến ngày 31/7/2024, Trần Quốc H, trú tại thôn T, xã K, huyện H đưa ra thông tin gian dối nhằm làm cho các bị hại tin tưởng để nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã S, xã K, huyện H, gồm: chị Lê Thị H1, trú tại thôn E, xã S số tiền 5.000.000đ VNĐ và 01 chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen trị giá 4.100.000đ, tổng cộng: 9.100.000đ, cháu Võ Đức M1, trú tại thôn M, xã K 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu xanh, trị giá 9.100.000đ. Tổng cộng số tiền lừa đảo chiếm đoạt là 18.200.000đ.

[2.2]. *Mục đích của hành vi phạm tội*: Mục đích của bị cáo là muốn chiếm đoạt tài sản là tiền của các bị hại. Bị cáo đã nói dối với chị Lê Thị H1 là mượn điện thoại đi cài định danh cá nhân, sau khi mượn được bị cáo đã bán chiếc điện thoại đó, sau khi bán lấy tiền bị cáo lại nói dối là đang cầm cố, mục đích để mượn thêm tiền của chị H1 chuộc điện thoại về, cứ như vậy bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo để lấy tiền của chị H1 bà lần. Bên cạnh đó bị cáo còn mượn điện thoại của cháu Võ Đức M1, bị cáo nói với cháu M1 là mượn điện thoại để đăng nhập tài khoản Ngân hàng nhưng thực tế là có ý thức cầm cố chiếc điện thoại của cháu M1 lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Trong vụ án này, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối mượn điện thoại, tiền của chị H1 và điện thoại của cháu M1, vì vậy chị H1 và cháu M1 là người trực tiếp bị thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra nên được xác định là bị hại trong vụ án. Xét lời khai nhận của bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị hại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Trần Quốc H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân bị cáo Trần Quốc H dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả mượn điện thoại, tiền của các bị hại để thực hiện những việc làm chính đáng của mình, khi các bị hại tin tưởng, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 18.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3]. *Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Vì vậy, nên cần có mức án đủ nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, Bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo là lao động tự do, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã tác động bà Phạm Thị L (mẹ đẻ) bồi thường cho chị Lê Thị H1 số tiền 5.000.000đ. Nay chị H1 không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại cháu Võ Đức M1 sau khi

nhận được điện thoại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[8]. *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng sau khi điều tra làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử miễn xét. Vật chứng chưa xử lý là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu xanh, số imei 868613048782891, gắn thẻ sim số seri 8401240650095309, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trần Quốc H. Hội đồng xét xử thấy chiếc điện thoại này được xác định là phương tiện để phạm tội. Nên Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9]. *Về biện pháp tư pháp*: Số tiền 9.000.000 đồng là số tiền có được do hành vi lừa đảo, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, tuy nhiên bị cáo đã bồi thường cho bị hại chị Lê Thị H1 số tiền 5.000.000, còn lại 4.000.000 được xác định là số tiền do phạm tội mà có. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền này.

[10]. *Những người liên quan trong vụ án*: Đối với anh Lê Đình H2 là người trực tiếp mua chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen của H, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với Đoàn Trọng N là người cho Trần Quốc H mượn chiếc xe mô tô của mình đến nhà chị Lê Thị H1, nhưng anh N không biết H sử dụng vào việc phạm tội. Ngoài ra vào tối ngày 31/7/2024 anh N được H nhờ chở xuống nhà văn hóa thôn D, xã S, nhưng trước lúc đi không bàn bạc, trao đổi gì với nhau. Khi đến nơi H đã kể lại việc H lừa đảo lấy chiếc điện thoại của Võ Đức M1, sau đó anh N đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc, nên không có căn cứ để xử lý vai trò đồng phạm trong vụ án. Nên, Hội đồng xét xử miễn xét.

[11]. *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa*: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng xử lý về hình phạt chính; Hình phạt bổ sung; Trách nhiệm dân sự; Xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí như trong bản luận tội đã nêu. Căn cứ vào hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận và sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt và các vấn đề khác liên quan.

[12]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".
- Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

2. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1906, màu xanh, số imei 868613048782891, gắn thẻ sim số seri 8401240650095309. (Vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 19/8/2024).

3. *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu từ bị cáo Trần Quốc H số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Quốc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Trọng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại chị Lê Thị H1 cháu Võ Quốc M2, người đại diện cho cháu Võ Quốc M là chị Nguyễn Thị Thu L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L, anh Lê Đình H2, anh Võ Nguyên G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Công an huyện Hương Sơn;
- THAPT, CCTHADS huyện Hương Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Sỹ Nam